

CHUYÊN MỤC

SỬ HỌC - NHÂN HỌC - NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

TIẾN TRÌNH THỐNG NHẤT HAI MIỀN NAM - BẮC TRÊN CÁC LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 - 1975)

TRẦN THỊ NHUNG

Mặc dù cuộc kháng chiến chống Mỹ luôn được người Việt Nam nhắc đến là một cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, nhưng khi viết về cuộc kháng chiến này, các sử gia Việt Nam lâu nay vẫn có xu hướng nghiêng về các hoạt động quân sự, mà chưa thật sự quan tâm đến tính toàn diện của cuộc chiến. Điều này khiến cho nhận thức của chúng ta về cuộc chiến nói riêng và công cuộc thống nhất đất nước nói chung chưa đầy đủ, cũng như không thấy hết tính sáng tạo độc đáo của Việt Nam trong cuộc kháng chiến này. Thực tế, bên cạnh hoạt động vũ trang, là mảng quan trọng nhất, cuộc kháng chiến còn bao hàm những hoạt động trên các lĩnh vực khác, như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Điều này đã được thực hiện thông qua các tổ chức chính trị của cách mạng ở miền Nam, thông qua quá trình xây dựng “lực lượng chính trị” tại chỗ và quá trình điều động hàng vạn cán bộ có trình độ, được đào tạo từ miền Bắc vào miền Nam trong suốt cuộc kháng chiến. Chính việc tạo được “thế và lực” trên các lĩnh vực này ngay trong lòng miền Nam đã góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến tới thắng lợi, đồng thời tạo cơ sở quan trọng để hai miền nhanh chóng tiến tới thống nhất ngay sau cuộc chiến tranh. Đây có thể nói là một đặc điểm đáng lưu ý của tiến trình thống nhất đất nước của Việt Nam, nếu so sánh với những nước có hoàn cảnh tương tự như nước Đức hay Triều Tiên trong lịch sử thế giới hiện đại. Bài học từ thời kỳ lịch sử này vẫn còn nguyên giá trị trong giai đoạn hiện nay.

Cách đây khoảng ba năm, tình cờ tôi có hai lần tiếp xúc với hai nhà nghiên cứu

Trần Thị Nhung. Tiến sĩ. Tạp chí Khoa học Xã hội (Thành phố Hồ Chí Minh).

người Hàn Quốc (Nam Triều Tiên) khi họ đến làm việc tại Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ. Tuy hai nhà nghiên cứu này thuộc những tổ chức nghiên cứu khác nhau, nhưng họ đều có một chủ đề

chung muốn được trao đổi với các nhà nghiên cứu Việt Nam, đó là sau khi cách mạng giành được chiến thắng ở miền Nam vào tháng 4/1975, hai miền Nam - Bắc Việt Nam đã thống nhất với nhau như thế nào. Một trong hai nhà nghiên cứu người Hàn ấy bày tỏ một băn khoăn: sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trên thế giới có ba nước chịu cảnh bị chia cắt đất nước, đó là nước Đức (Đông Đức - Tây Đức), nước Triều Tiên (Bắc Triều Tiên - Nam Triều Tiên) và Việt Nam. Câu chuyện thống nhất của hai nước Đức và Triều Tiên khá ồn ào. Nước Đức từng là tiêu điểm của thời sự quốc tế những năm 1988 - 1990, với sự kiện sụp đổ của bức tường Berlin, biểu tượng cho sự kết thúc của chiến tranh lạnh trên thế giới. Còn tại Triều Tiên thì con đường thống nhất cho đến nay vẫn mù mịt trong cuộc đối đầu giữa hai miền, bên cạnh đó còn là nguy cơ hạt nhân, khiến các nước lớn phải can thiệp, dàn xếp nhiều năm nay. Chỉ riêng tại Việt Nam, sự thống nhất của hai miền Nam - Bắc trong hai năm 1975 - 1976 thành nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là diễn ra một cách ít ồn ào nhất, hay có thể nói là khá bình lặng và nhanh chóng. Nhà nghiên cứu người Hàn này muốn hiểu lý do nào đã tạo nên một cuộc hợp nhất hai miền êm thấm như vậy. Câu hỏi này đã khiến tôi phải suy nghĩ, vì dường như ngày ấy chuyện thống nhất hai miền là đương nhiên sau khi lực lượng kháng chiến giải phóng hoàn toàn lãnh thổ phía Nam. Nhưng thực tế không phải vậy, sự kiện này ẩn chứa trong nó nhiều vấn đề cần phải quan tâm lý giải, và qua đó có thể làm

rõ hơn những đặc điểm của quá trình thống nhất đất nước Việt Nam.

1. THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC CỦA VIỆT NAM LÀ MỘT QUÁ TRÌNH DÀI, KHÔNG PHẢI CHỈ DIỄN RA TRONG HAI NĂM 1975 - 1976

Một số nhà nghiên cứu nước ngoài khi tìm hiểu về vấn đề thống nhất đất nước của Việt Nam đã đóng khung trong hai năm 1975 - 1976, cụ thể là từ sau ngày 30/4/1975 (khi giải phóng hoàn toàn miền Nam) đến ngày 25/4/1976 (khi hai miền thực hiện thành công cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước). Hiểu như thế có lẽ là không đầy đủ.

Nếu nói cho tận ngọn nguồn thì quá trình thống nhất đã bắt đầu từ năm 1945, khi Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ hai. Bởi từ năm 1945 đến năm 1949, Pháp âm mưu chia cắt Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, định thực hiện chính sách chia để trị như thời Pháp thuộc trước đó. Để thực hiện mưu đồ này, chính quyền Pháp đã từng thành lập những chính phủ riêng ở Nam Bộ: Chính phủ Nam Kỳ tự trị của Nguyễn Văn Thinh (6-11/1946); Chính phủ Nam Kỳ tự trị của Lê Văn Hoạch (12/1946 - 9/1947); Chính phủ lâm thời Nam phần Việt Nam của Nguyễn Văn Xuân (10/1947 - 5/1948). Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nhân dân Việt Nam đã đấu tranh quyết liệt trên cả ba mặt trận ngoại giao, chính trị và quân sự chống lại âm mưu này của Pháp. Trong những cuộc đàm phán, phái đoàn ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiên quyết không chấp nhận tách Nam Bộ ra khỏi việc giải quyết vấn đề độc lập

của Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh trước sau khẳng định: “Nam Bộ là một miếng đất Việt Nam. Đó là thịt của thịt chúng tôi, máu của máu chúng tôi” (Paris, tháng 7/1946). Trên mặt trận quân sự, nhân dân Nam Bộ nô nức tham gia “Nam Bộ kháng chiến”, đi trước cả nước đứng lên chống Pháp. Từ miền Bắc, miền Trung, từ Thái Lan, Campuchia và Lào, những đoàn quân “Nam tiến” đổ về Nam, chia lửa với Nam Bộ. Trên mặt trận chính trị, ngày 9/6/1946, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam tổ chức “Ngày Nam Bộ” tại Hà Nội với một cuộc mít tinh lớn đòi Pháp thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946. Báo chí Nam Bộ dấy lên phong trào “Báo chí thống nhất”, đả kích các chính phủ bù nhìn, phản đối chính sách chia rẽ dân tộc Việt Nam của Pháp. Trước sức mạnh đoàn kết của người Việt Nam, chính phủ Pháp cuối cùng đã phải từ bỏ mưu đồ chia cắt này.

Sau năm 1954, Pháp rút ra, Mỹ thay chân trực tiếp can thiệp vào Việt Nam, lập nên chính quyền lệ thuộc Ngô Đình Diệm ở miền Nam. Năm 1956, Ngô Đình Diệm khước từ Tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo qui định của Hiệp định Genève, đồng thời thực hiện những chính sách độc tài “gia đình trị”, gây mất lòng dân ở miền Nam, đó là nguyên cơ tạo nên cuộc nổi dậy của nhân dân năm 1960, dẫn đến cuộc kháng chiến kéo dài tiếp theo.

Trong hơn 20 năm chiến tranh với Mỹ và chế độ Sài Gòn ở miền Nam, từ năm 1954 đến năm 1975, những người tham gia kháng chiến ở cả hai miền Nam - Bắc Việt Nam đều hướng tới mục tiêu: độc

lập và thống nhất đất nước. Hai mục tiêu này gắn với nhau làm một. Ở miền Bắc, trên các bức tường, trên cổng các cơ quan, ở thành phố hay nông thôn, đâu đâu cũng thấy những câu khẩu hiệu “Tất cả vì độc lập, thống nhất đất nước”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt” hoặc “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”... Đó là những khẩu hiệu ai cũng thuộc nằm lòng. Để thực hiện điều này, người miền Bắc cụ thể thành những khẩu hiệu khác: “Ba sẵn sàng” (của thanh niên), “Ba đảm đang” (của phụ nữ), hay “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” (ở các địa phương), vì “Tất cả cho tiền tuyến”, “Tất cả để đánh thắng”. Ở miền Nam, mỗi khi miền Bắc bị ném bom, trong quân dân kháng chiến cũng có những khẩu hiệu như “Trả thù cho miền Bắc”, hay “Miền Bắc gọi, miền Nam trả lời”... Nhiều người trẻ bây giờ nghe về những khẩu hiệu này thường không hình dung được nó có ý nghĩa như thế nào thời ấy. Nhưng trong những năm tháng chiến tranh ấy, nó đã có sức cổ động rất lớn đối với người dân. Mục tiêu thống nhất đất nước trở thành khát vọng cháy bỏng của những người kháng chiến ở cả hai miền, là ý chí dẫn dắt lực lượng kháng chiến đi qua những năm dài gian khổ ác liệt để đạt tới chiến thắng. Đó thực sự là động lực tinh thần, một nguyên nhân quan trọng của thắng lợi. Với ý chí giành độc lập và thống nhất, trong suốt hơn 20 năm, lực lượng cách mạng ở cả hai miền đã từng bước tạo nên những cơ sở, những điều kiện cả về vật chất và tinh thần cho bước đường thống nhất. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân

năm 1975 giải phóng hoàn toàn lãnh thổ ở miền Nam, đã tạo cơ sở quan trọng đầu tiên và bậc nhất cho cuộc thống nhất hai miền. Tuy nhiên, đó không phải là cơ sở duy nhất. Cùng với quá trình nỗ lực giành chiến thắng về quân sự, lực lượng kháng chiến thực tế đã nỗ lực tạo dựng những cơ sở, hay những điều kiện cho cuộc thống nhất trên nhiều lĩnh vực khác như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Bởi sau chiến thắng quân sự, thì các lĩnh vực này sẽ quyết định những bước tiến đến cuộc hòa hợp, thống nhất hai miền.

2. QUÁ TRÌNH THỐNG NHẤT KHÔNG PHẢI CHỈ BẰNG CON ĐƯỜNG QUÂN SỰ ĐƠN THUẦN, MÀ CÒN ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN CÁC LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI NGAY TỪ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN.

2.1. Xây dựng tổ chức chính trị và lực lượng chính trị

Cố gắng tiến đến thống nhất trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, có thể nói chính là quá trình “xây dựng lực lượng chính trị” cho cuộc kháng chiến ở miền Nam. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đường lối nhất quán của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (sau này đổi tên là Đảng Cộng sản Việt Nam) là phải tiến hành cuộc kháng chiến bằng cả “hai chân”, tức là bằng cả quân sự và chính trị. Vì vậy, cách mạng không chỉ chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang, mà phải xây dựng cả lực lượng chính trị. Hơn nữa phải xây dựng lực lượng chính trị thật rộng rãi, làm nền tảng để xây dựng lực lượng vũ trang và mọi mặt của cuộc kháng chiến. Lực

lượng chính trị ở đây được hiểu là bao gồm đông đảo những người dân ở miền Nam (không phân biệt thành phần xã hội, giai cấp, dân tộc hay tôn giáo) ủng hộ và tham gia các hoạt động kháng chiến.

Từ đường lối trên, lực lượng kháng chiến đã thực hiện nhiều sách lược chính trị, nhằm đoàn kết người dân quanh lực lượng kháng chiến ở miền Nam với mục tiêu giành độc lập và thống nhất. Những sự kiện lớn như: thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960); thành lập Liên minh các Lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình ở miền Nam (1969); thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (6/6/1969), và các hội đoàn (Hội Nông dân Giải phóng, Hội Phụ nữ Giải phóng, Hội Liên hiệp Thanh niên Giải phóng)... là những sách lược chính trị lớn và hiệu quả. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (sau này là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), với biểu tượng lá cờ nửa đỏ, nửa xanh và Chính sách 10 điểm đề cao mục tiêu hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ đã thu hút không chỉ những người công nhân, nông dân, những nhân sĩ, trí thức, các nhà tư sản dân tộc ở miền Nam, mà cả một bộ phận sĩ quan, binh lính của chế độ Sài Gòn ngày ấy. Trong khi đó, các tổ chức chính trị của cách mạng ở miền Nam, thực tế, đặt dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, nên những tổ chức này cũng chính là chiếc cầu nối nhân dân miền Nam với miền Bắc. Các tổ chức này đã phát huy lợi điểm chính trị đã có trước đây, đó là

sự ủng hộ to lớn của nhân dân miền Nam với “Chính phủ Cự Hồ” trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, để tạo ở nhân dân miền Nam sự thiện cảm, gần gũi và hướng tới Chính phủ Cự Hồ ở miền Bắc, kéo gần khoảng cách giữa hai miền, cho dù lãnh thổ bị chia cắt lâu dài. Hình ảnh các Đoàn cán bộ chiến sĩ, nhân sĩ trí thức, đoàn Chính phủ cách mạng từ miền Nam ra thăm miền Bắc trong những năm kháng chiến chống Mỹ, được Hồ Chủ tịch và các vị lãnh đạo tiếp đón nồng hậu, được báo chí đưa tin hàng đầu, là một biểu hiện của tinh thần đoàn kết gắn bó hai miền mà lực lượng cách mạng hướng tới trong suốt cuộc kháng chiến.

Để thực hiện mục tiêu chính trị (và cũng là văn hóa, xã hội) trên, lực lượng kháng chiến đã tiến hành nhiều phương thức tuyên truyền. Ngay từ khi mới thành lập, trong hoàn cảnh khó khăn của buổi đầu kháng chiến ở vùng chiến khu rừng núi, Mặt trận Dân tộc Giải phóng vẫn quyết tâm cho ra đời Đài Phát thanh Giải phóng tại Chiến khu D (đầu 1962). Sau một vài năm, do khó đảm bảo an toàn bởi phía quân đội Sài Gòn thường xuyên dò sòng phá hoại, Đài Phát thanh Giải phóng lập thêm một cơ quan phát thanh ở miền Bắc, nhờ vậy “tiếng nói của miền Nam” không bao giờ bị gián đoạn. Những bài viết, bản tin thời sự, được các phóng viên từ miền Nam gửi đến, vẫn đều đặn được phát sóng. Cùng với Đài Phát thanh, Thông tấn xã Giải phóng, Điện ảnh Giải phóng, báo chí giải phóng, các đoàn văn công giải phóng cũng giữ vững hoạt động trong suốt cuộc kháng chiến, dù có lúc lực lượng kháng chiến

lâm vào hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, như những năm 1969 - 1970, lúc các cơ quan đầu não và phần lớn bộ đội chủ lực phải tạm thời đứng chân trên đất Campuchia sau Mậu Thân 1968. Nhiều phóng viên, nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ, diễn viên, công nhân viên đã hy sinh trên chiến trường miền Nam ác liệt, trong đó có những văn nghệ sĩ nổi tiếng như Lê Anh Xuân, Hoàng Việt, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Mỹ,... Hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông, các đoàn nghệ thuật đã góp phần rất quan trọng, không chỉ động viên tinh thần lực lượng kháng chiến, mà còn truyền bá những tư tưởng về chính trị, văn hóa, xã hội từ miền Bắc vào miền Nam, tạo nên những ảnh hưởng không nhỏ trong người dân miền Nam qua 20 năm chiến tranh. Chính những quan chức phía chế độ Sài Gòn từng phải công nhận sức mạnh tuyên truyền của phía cách mạng và đòi hỏi bộ máy chiến tranh chính trị của Sài Gòn phải “học tập cộng sản” (Trần Thị Nhung, 2002).

Tuy nhiên, quá trình “xây dựng lực lượng chính trị” không chỉ dựa trên các tổ chức chính trị và những hoạt động tuyên truyền ở bên trên, mà quan trọng hơn chính là hàng vạn cán bộ cơ sở - những cán bộ, chiến sĩ “ba bám” (bám đất, bám dân, bám địch), “ba cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm với dân) hoạt động ở các địa phương. Chính những cán bộ, Đảng viên, chiến sĩ ở các địa phương là những người bằng những việc làm cụ thể, bằng sự gương mẫu của mình đã thuyết phục người dân tham gia ủng hộ cách mạng, tạo nên một “lực lượng chính trị” hùng hậu trong nhân dân miền Nam, là cái gốc

quan trọng để nuôi dưỡng và phát triển cuộc kháng chiến. Để thấy được vai trò to lớn của lực lượng chính trị ở miền Nam thời kỳ này có thể nhìn vào những thực tế sau. Lấy ví dụ cụ thể ở Nam Bộ và cực nam Trung Bộ (B2): trước khi Mỹ đổ quân vào miền Nam tháng 3/1965, các lực lượng vũ trang kháng chiến ở B2, bao gồm 7 trung đoàn chủ lực và hàng ngàn bộ đội địa phương và dân quân du kích (Bộ Quốc phòng, Quân khu 7, 2004, tr. 172) hầu hết được xây dựng từ tuyển quân tại chỗ (ngoài Bắc chỉ đưa vào *khung cán bộ* cho các cơ quan chỉ huy cấp Miền-B2, cấp Quân khu và *khung* cho 3 trung đoàn chủ lực B2). Chỉ sau khi Mỹ đưa quân vào miền Nam, miền Bắc mới đưa vào Nam từng trung đoàn, sư đoàn và sau này là các quân đoàn chủ lực. Lúc cao nhất vào tháng 4/1975 ở Nam Bộ có 4 quân đoàn, 4 sư đoàn, 1 lữ đoàn, 10 trung đoàn và nhiều tiểu đoàn độc lập của chủ lực, ngoài ra các tỉnh đều có các đơn vị cấp trung đoàn hoặc tiểu đoàn bộ đội địa phương và các đội du kích ở phần lớn các xã ấp (Bộ Quốc phòng, Quân khu 7, 2004, tr. 555-561). Nhưng khi đưa quân vào Nam, miền Bắc cũng chỉ đưa vào quân chủ lực, còn lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích vẫn thường xuyên được bổ sung từ nguồn nhân lực tại chỗ. Bên cạnh đó, trong hầu hết cuộc chiến tranh, trừ vũ khí và một số vật liệu, phương tiện chiến tranh khác được chuyển từ ngoài Bắc vào, hầu hết các mặt hàng hậu cần như gạo, thực phẩm, thuốc men, dụng cụ y tế, quân trang, quân dụng và các nhu yếu phẩm khác cho lực lượng kháng chiến (bao gồm cả lực lượng dân sự và

quân sự hàng chục vạn người) đều được huy động từ chiến trường tại chỗ⁽¹⁾. “Lực lượng chính trị” đông đảo ở miền Nam nói chung và B2 nói riêng chính là những người đã đảm nhận vai trò cung cấp nhân lực và vật lực to lớn cho lực lượng kháng chiến trong suốt những năm dài của cuộc chiến tranh.

Khó có thể nói hết những việc mà miền Bắc và lực lượng kháng chiến miền Nam đã làm trong việc thực hiện nhiệm vụ “xây dựng lực lượng chính trị”, cũng như không thể nói hết những gì mà “lực lượng chính trị” ở miền Nam đã đóng góp vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Nhưng có thể khẳng định một điều là việc “xây dựng lực lượng chính trị” ở miền Nam đã đạt được hiệu quả trên hai mục tiêu: vừa nuôi dưỡng cuộc kháng chiến tại chỗ, vừa lôi cuốn được bộ phận khá đông đảo người dân miền Nam có thiện cảm, gần gũi hoặc hướng về miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tạo nên một tâm thế thuận lợi, hay nói cách khác là có cơ sở xã hội rộng lớn cho cuộc hiệp thương thống nhất hai miền sau khi lãnh thổ đã được nối liền vào ngày 30/4/1975.

2.2. Chi viện cán bộ trình độ cao cho miền Nam trong suốt cuộc kháng chiến

Không chỉ tạo nên cơ sở xã hội quan trọng từ việc “xây dựng lực lượng chính trị” tại chỗ, quá trình thống nhất về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong cuộc kháng chiến còn được thực hiện qua việc đưa nhân lực có trình độ, được đào tạo từ miền Bắc vào miền Nam. Ngoài lực lượng quân sự như đã nói ở trên, từ năm 1960 - 1975, miền Bắc đã chuyển vào Nam 58.461 cán bộ, nhân viên dân

sự, công nhân kỹ thuật. Năm 1975, số lượng cán bộ, nhân viên, công nhân được điều động vào Nam chiếm số lượng cao nhất với 17.956 người. Trong số cán bộ vào Nam trong toàn cuộc kháng chiến, chiếm số lượng đông nhất là cán bộ nhân viên các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, tài chính, mậu dịch) với 39.216 người, kể đến là các ngành văn xã (y tế, giáo dục, văn hóa nghệ thuật, thông tin tuyên truyền...) và nội chính (Phan Thị Xuân Yến, 2011, tr 216 - 218). Hoạt động này có vai trò quan trọng của Ban Thống nhất Trung ương⁽²⁾, thành lập ngày 17/5/1957, là cơ quan đề xuất và phối hợp với các cơ quan khác trong việc điều động cán bộ. Những năm đầu chiến tranh, nhân lực đưa vào Nam hầu hết là cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954, sau đó, do nhu cầu ngày càng lớn của chiến tranh, nhân lực được điều động bao gồm cả người miền Bắc⁽³⁾. Phần lớn lực lượng dân sự được đưa vào Nam hoạt động tại các vùng căn cứ giải phóng - một hệ thống những khu vực lớn, nhờ do lực lượng kháng chiến làm chủ nằm đan cài với các vùng tạm chiếm của chế độ Sài Gòn. Tại các vùng này, Mặt trận Dân tộc Giải phóng (sau đó là Chính phủ Cách mạng lâm thời) đã tiến hành các hoạt động mang tính nhà nước, như tổ chức quản lý hành chính và các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục,... tạo nên hình ảnh một “ché độ mới” giữa lòng miền Nam. Và “ché độ mới” này ít nhiều đã mang hình ảnh của miền Bắc, thể hiện qua các chính sách về ruộng đất, thuế khóa, công tác dân y, các nội dung trong giáo dục, văn hóa văn

nghệ,... Lực lượng dân sự vào Nam là những người đảm nhiệm chủ yếu việc tổ chức, quản lý và thực hiện các hoạt động này trong vùng giải phóng. Chưa kể, một bộ phận họ còn bí mật hoạt động trong vùng tạm chiếm. Có thể nói, việc đưa hàng chục ngàn cán bộ dân sự vào Nam trong những năm kháng chiến, đã góp phần quan trọng xây dựng nền chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cho cuộc kháng chiến, đồng thời chính là một sự chuẩn bị dài lâu, “lót sẵn” lực lượng nòng cốt để tiến tới xây dựng chính quyền các cấp và tiếp quản các Bộ, ngành tại miền Nam khi giành được thắng lợi. Điều này đã trở thành thực tế sau ngày giải phóng miền Nam 30/4/1975. Lấy ví dụ trong ngành nông nghiệp, từ năm 1961 đến năm 1975, miền Bắc đã đưa vào B2 khoảng hơn 400 kỹ sư nông nghiệp⁽⁴⁾. Những kỹ sư này hoạt động ở hầu khắp chiến trường B2, từ Khu 6 (Nam Tây Nguyên và Cực nam Trung Bộ) đến Khu 9 (Tây Nam Bộ). Trong chiến tranh, họ vừa làm các công việc chuyên môn (làm nông nghiệp, lâm nghiệp, nông vận), vừa tham gia chiến đấu, bảo vệ các vùng giải phóng. Quá trình hoạt động lâu dài ở miền Nam giúp họ hiểu sâu sắc các vấn đề chính trị, lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa bàn. Và đó là vốn quý không phải chỉ cho kháng chiến, mà cho cả việc thống nhất sau này, vì những trải nghiệm có thể giúp con người dễ dàng vượt qua những bất đồng. Tháng 4/1975, theo một kế hoạch cụ thể đã chuẩn bị từ trước, các kỹ sư nông nghiệp theo chân các đơn vị quân giải phóng tiến vào thành phố Sài Gòn, Biên Hòa, Cần Thơ và các địa phương khác để tiếp quản các cơ

quan, viện nghiên cứu và các trường đào tạo của ngành nông lâm của chế độ Sài Gòn. Những kỹ sư cách mạng khi tham gia tiếp quản đã thể hiện tinh thần vừa kỷ luật, vừa nhân văn, khi kiên quyết bảo vệ những máy móc hiện đại ở các cơ quan (mà có khi bản thân chưa biết cách sử dụng), hoặc những cây, con giống có giá trị, vừa lưu dung phần lớn các kỹ sư, nhân viên kỹ thuật của chế độ cũ tiếp tục làm việc dưới chính quyền mới (chỉ trừ một số trường hợp chống phá đặc biệt). Họ nói: quan điểm của chúng tôi là “kỹ thuật không có giai cấp”. Tinh thần tiếp quản như thế rõ ràng đã tạo nên sự hòa hợp tốt hơn đối với những người ở hai phía trong thời điểm chuyển giao quyền lực. Tình hình với các cán bộ ngành nông nghiệp có lẽ cũng diễn ra tương tự đối với các ngành nghề khác như tài chính, thương mại, công nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa nghệ thuật... Chỉ tính riêng tại TPHCM, vào tháng 4/1975, Ủy ban Quân quản thành phố đã chuẩn bị sẵn một đội ngũ 2.820 cán bộ từ các căn cứ địa về để tiếp quản thành phố (Ủy ban Nhân dân TPHCM, Viện Nghiên cứu Phát triển, 2012, tr 329). Chính đội ngũ cán bộ này, phối hợp với những cán bộ cơ sở tại chỗ và lực lượng vũ trang, đã thực hiện thành công công tác tiếp quản, đồng thời họ cũng là lực lượng nòng cốt lập nên chính quyền cách mạng từ cấp thành phố đến các phường, xã, nhanh chóng ổn định trật tự trị an và đưa mọi hoạt động của thành phố trở lại bình thường.

3. THAY LỜI KẾT

Ngày 17/5/1975, chỉ hơn nửa tháng sau ngày giải phóng miền Nam, nhiều tỉnh ở Nam Bộ đã tổ chức lễ mừng chiến thắng.

Tại Sài Gòn - Gia Định, buổi lễ được tổ chức qui mô và trọng thể ngay trước Dinh Độc Lập (sau này được đổi tên là Hội trường Thống Nhất). Hàng vạn tầng lớp nhân dân Sài Gòn đã tham gia cuộc mít tinh và diễu hành. Trên lễ đài là sự có mặt của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Tôn Đức Thắng, Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp, các Bí thư và Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh, Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Huỳnh Tấn Phát, Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam Trần Văn Trà... cùng nhiều lãnh đạo cao cấp của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, chỉ huy các quân đoàn, các ban ngành, đoàn thể... Trong buổi lễ, các đơn vị vũ trang cách mạng hùng dũng diễu binh qua lễ đài trong trang bị còn đượm mùi khói súng của cuộc chiến vừa chấm dứt. Buổi lễ qui mô và trọng thể ấy đã diễn ra trong an ninh tuyệt đối. Đó là một kỳ tích nữa của lực lượng kháng chiến, của cách mạng tại thành phố vừa mới giải phóng 17 ngày sau hơn 30 năm và xa hơn nữa là gần 100 năm dưới sự thống trị của thực dân cũ và mới. Chỉ có thể giải thích cho kỳ tích này rằng trong suốt cuộc kháng chiến, lực lượng kháng chiến không chỉ tạo được thế và lực về quân sự, mà còn tạo được “thế và lực” trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Thế và lực đó là: tạo nên một tâm thế ngả về phía cách mạng và mong muốn hòa bình, hòa hợp trong

lòng người dân miền Nam, đồng thời tạo nên những cơ sở xã hội vừa vững chắc, vừa rộng lớn ngay trong lòng miền Nam. Điều này cũng là nguyên nhân chính khiến cho cuộc hợp nhất hai miền Nam - Bắc sau ngày 30/4/1975 đã diễn ra nhanh chóng. Chỉ sau 5 tháng Hiệp thương, ngày 25/4/1976, hai miền đã thực hiện thành công cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước, chính thức chấm dứt cảnh đất nước bị chia làm 2 trong hơn 20 năm trước đó.

Những lý do đã nêu ở trên, dẫn tới sự hợp nhất nhanh chóng của hai miền năm 1976, có thể nói chính là những đặc

điểm của tiến trình thống nhất đất nước của Việt Nam, thể hiện sự sáng tạo của Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất dân tộc.

40 năm đã trôi qua sau cuộc chiến tranh và sau sự kiện thống nhất hai miền, đất nước Việt Nam đã vượt qua nhiều thăng trầm và đang trên đường phát triển, nhưng những bài học từ chiến tranh về sự nỗ lực và các phương thức thúc đẩy tinh thần hòa hợp, thống nhất dân tộc vẫn còn cần thiết để không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh và văn minh. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Việc đảm bảo hậu cần cho lực lượng kháng chiến ở B2 được thực hiện tại chỗ bằng nhiều phương thức: mua bán, thu thuế... Nguồn tài chính trang trải cho hoạt động này chủ yếu do miền Bắc cung cấp, một phần do B2 tự túc.

⁽²⁾ Ban Thống nhất Trung ương có tiền thân là Ban Miền Nam, thành lập từ tháng 6/1955 tại miền Bắc. Đến ngày 13/3/1974, Ban Thống nhất Trung ương lại đổi tên lại thành Ban Miền Nam. Năm 1976, Ban Miền Nam hết nhiệm vụ và được giải thể.

⁽³⁾ Hồ sơ cán bộ, công nhân viên được đưa vào Nam (còn gọi là đi B) hiện chiếm một khối lượng lớn tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III tại Hà Nội.

⁽⁴⁾ Theo báo cáo của Ban Liên lạc Ban nông nghiệp Trung ương Cục Miền Nam (2010).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Quốc phòng, Quân khu 7. 2004. *Lịch sử Bộ Chỉ huy Miền (1961 - 1976)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Phan Thị Xuân Yên. 2011. *Ban Thống nhất Trung ương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
3. Tài liệu và chuyện kể của các cán bộ thuộc Ban Liên lạc Ban Nông nghiệp Trung ương Cục miền Nam thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1961 - 1975).
4. Trần Thị Nhung. 2002. *Căn cứ địa miền Đông Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)* (Luận án tiến sĩ lịch sử).
5. Ủy ban Nhân dân TPHCM, Viện Nghiên cứu Phát triển. 2012. *Thành phố Hồ Chí Minh 35 năm xây dựng và phát triển*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.